

Bản án số: 105/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hoàn và ông Nguyễn Mạnh Dũng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Hà Chi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 297/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/8/1983; số CCCD: 0300830*****; ĐKTT và nơi cư trú: Thôn Đ (trước là thôn A), xã C, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Chị Vũ Diệu T1, sinh ngày 04/6/1984; số CCCD: 0301840*****;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ (trước là thôn A), xã C, thành phố Hải Phòng; Hiện cư trú tại Đài Loan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phùng Thị H, sinh năm 1956 và ông Vũ Xuân V, sinh năm 1956 (bố, mẹ đẻ chị T1).

Địa chỉ: Tổ dân phố A (trước là thôn N), phường V, thành phố Hải Phòng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T1: Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1980; Công ty Luật TNHH A; Địa chỉ: 332 Lương Thế Vinh, phường T, thành phố Hải Phòng.

Anh T, chị T1, ông V, bà H, ông Q đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Vũ Diệu T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Hải Phòng) ngày 17/01/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại xã C, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đỉnh điểm là vào năm 2018, anh không đồng ý cho chị T1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng chị T1 vẫn cố tình đi, từ đó vợ chồng không còn tiếng nói chung trong hôn nhân, không còn yêu thương, tôn trọng nhau, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1.

Về con chung: Anh và chị T1 có 02 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 01/10/2007 và Nguyễn Triều V, sinh ngày 20/10/2015. Hiện Nguyễn Minh N đã trên 18 tuổi, trưởng thành, có cuộc sống riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng. Anh tôn trọng nguyện vọng của con Nguyễn Triều V, con muốn ở với ai anh cũng đồng ý. Nếu con ở với anh thì anh không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp Tòa án giao con Nguyễn Triều V cho chị T1 nuôi dưỡng thì anh cũng không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh và chị T1 sẽ tự thỏa thuận việc nuôi dưỡng, không yêu cầu pháp luật giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị H và ông Vũ Xuân V thống nhất trình bày: Anh T và chị T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Hải Phòng) ngày 17/01/2007. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng bố mẹ anh T tại xã C, thành phố Hải Phòng. Một thời gian sau vợ chồng để con cho ông, bà nuôi dưỡng và cùng sang Đài Loan làm ăn. Anh T sang được một thời gian ngắn thì về Việt Nam, còn chị T1 ở lại đến khi hết hạn 3 năm thì về. Năm 2016 chị T1 tiếp tục sang Đài Loan lao động đến nay. Hàng năm vào dịp hè hoặc tết chị T1 đều về Việt Nam sinh sống một thời gian, lúc thì chị T1 ở nhà của vợ chồng, lúc thì chị T1 ở cùng các con bên nhà ngoại. Vợ chồng chị T1 anh T xảy ra mâu thuẫn thế nào ông, bà không nắm được vì chị T1 dấu không muốn bố mẹ phải suy nghĩ. Tuy nhiên ông, bà được biết thông tin qua người thân thì vợ chồng chị T1 và anh T bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ khoảng năm 2018. Ban đầu chị T1 vẫn cố gắng hàn gắn mâu thuẫn, không muốn ly hôn nhưng càng về sau thì anh T đề cập nhiều đến vấn đề ly hôn, thậm chí còn đánh đập chị T1. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên khoảng 3-4 năm trở lại đây mỗi lần về nước là chị T1 ở nhà ngoại mà không qua lại nhà của vợ chồng nữa. Chị T1 có gửi văn bản trình bày quan điểm về việc ly hôn, nuôi con thông

qua văn phòng luật sư để nộp lên Tòa án. Nay anh T có đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 01/10/2007 và Nguyễn Triều V, sinh ngày 20/10/2015. Hiện nay cháu Nhật đã trưởng thành. Cháu Nguyễn Triều V đang ở cùng với vợ chồng bà. Chị T1 có quan điểm xin được nuôi dưỡng cháu Vĩ và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp Tòa án giao cháu Vĩ cho chị T1 nuôi dưỡng thì ông, bà sẽ hỗ trợ chị T1 trong việc nuôi dưỡng cháu Vĩ trong thời gian chị T1 đi lao động tại nước ngoài. Về quan hệ tài sản: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị T1 đang lao động tại Đài Loan, chị T1 thường xuyên liên lạc về gia đình qua mạng xã hội, tuy nhiên địa chỉ cụ thể của chị T1 bên Đài Loan thế nào gia đình bà không nắm được.

Ông, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Vũ Diệu T1 trình bày: Chị T1 và anh T kết hôn là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ sự khác biệt của vợ chồng về các vấn đề trong đời sống. Mâu thuẫn ngày một gay gắt khiến quan hệ vợ chồng trở lên căng thẳng, ngột ngạt. Từ khi chị T1 quyết định trở lại Đài Loan lao động thì vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

Chị T1 đã có bản tự khai xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn. Vợ chồng có hai con chung, trong đó Nguyễn Minh N đã trưởng thành không đặt ra việc nuôi dưỡng, chị xin nuôi dưỡng con Nguyễn Triều V. Chị và anh T tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu pháp luật giải quyết. Nếu được giao nuôi con, chị sẽ nhờ bố mẹ để chị nuôi dưỡng cháu Vĩ trong thời gian chị vắng mặt tại nơi cư trú. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nhất trí quan điểm của chị T1.

Kết quả xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh: Chị Vũ Diệu T1 xuất cảnh lần gần nhất là ngày 10/3/2026, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 48, Điều 49, Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật liên quan.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4

Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn Chị Vũ Diệu T1.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Triều V, sinh ngày 20/10/2015 cho chị T1 nuôi dưỡng đến khi thành niên. Tạm giao cháu Vĩ cho ông Vũ Xuân V và bà Phùng Thị H chăm sóc khi chị T1 không có mặt tại Việt Nam. Anh T, chị T1 tự thỏa thuận việc cấp dưỡng, không yêu cầu pháp luật xem xét, giải quyết.
- Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
- Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Chị Vũ Diệu T1 có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại Thôn Đ, xã C, thành phố Hải Phòng, hiện đang làm việc, sinh sống tại Đài Loan. Căn cứ Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng. Anh T, chị T1, ông V, bà H, ông Q đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và Chị Vũ Diệu T1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Hải Phòng) ngày 17/01/2007, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và Chị Vũ Diệu T1 là hợp pháp.

Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ xác định: Anh T, chị T1 hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau là vi phạm quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh T xin ly hôn, chị T1 đã có văn bản trình bày quan điểm đồng ý ly hôn. Tuy nhiên do anh T, chị T1 đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn Chị Vũ Diệu T1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh T và chị T1 có 02 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 01/10/2007 và Nguyễn Triều V, sinh ngày 20/10/2015. Hiện Nguyễn Minh N đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Đối với con chung Nguyễn Triều V, sinh ngày 20/10/2015 hiện đang ở với ông Vũ Xuân V và bà Phùng Thị H. Cháu Vĩ có quan điểm nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với mẹ và ông, bà ngoại. Chị T1 xin nuôi con chung. Anh T có quan điểm tôn trọng nguyện vọng của con chung. Ông V và bà H có quan điểm sẵn sàng hỗ trợ chị T1 trong việc nuôi dưỡng cháu Vĩ. Anh T và chị T1 cùng có chung quan điểm vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu pháp luật xem xét, giải quyết.

Hiện tại cháu Nguyễn Triều V đang sinh sống ổn định cùng ông Vũ Xuân V và bà Phùng Thị H, cháu được chăm sóc chu đáo, điều kiện sống, học tập thuận lợi nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, tránh gây xáo trộn tâm lý của con chung sau khi bố mẹ ly hôn đồng thời đảm bảo phù hợp tâm tư nguyện vọng của các đương sự trong vụ án nên giao cháu Vĩ cho chị T1 nuôi dưỡng; tạm giao cho ông V, bà H có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Vĩ trong thời gian chị T1 không có mặt tại Việt Nam. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh T, chị T1 tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Anh T, chị T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Vũ Diệu T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Triều V, sinh ngày 20/10/2015 cho Chị Vũ Diệu T1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi 18 tuổi, trưởng thành. Tạm giao cháu Nguyễn Triều V, sinh ngày 20/10/2015 cho

ông Vũ Xuân V và bà Phùng Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian chị T1 vắng mặt tại Việt Nam.

Anh Nguyễn Văn T và Chị Vũ Diệu T1 tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0006597 ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh T, ông V, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; chị T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12 – Hải Phòng;
- Đường sự;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã C, thành phố Hải Phòng (để ghi vào sổ hộ tịch, số 04, quyển 01 ngày ĐKKH 17/01/2007);
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên